

1. Thủ tục kê khai tài sản, thu nhập

<p>Trình tự thực hiện</p>	<p>- Bước 1: Lập danh sách người có nghĩa vụ kê khai và hướng dẫn việc kê khai</p> <p>+ Cơ quan, tổ chức, đơn vị sử dụng người có nghĩa vụ kê khai tài sản, thu nhập (gọi tắt là người có nghĩa vụ kê khai) lập danh sách người có nghĩa vụ kê khai được quy định tại Điều 34 Luật Phòng chống tham nhũng năm 2018 (PCTN) và Điều 10 Nghị định 130/2020/NĐ-CP (các đối tượng thuộc cơ quan, tổ chức, đơn vị khu vực Nhà nước).</p> <p>+ Cơ quan, tổ chức gửi mẫu Bản kê khai tài sản, thu nhập theo mẫu quy định tại Nghị định 130/2020/NĐ-CP (sau đây gọi là Bản kê khai), hướng dẫn và yêu cầu người có nghĩa vụ kê khai thực hiện việc kê khai tài sản, thu nhập.</p> <p>- Bước 2: Thực hiện việc kê khai</p> <p>Người có nghĩa vụ kê khai có trách nhiệm kê khai theo mẫu (02 bản kê khai) và gửi về cơ quan, tổ chức nơi mình làm việc. Tài sản, thu nhập phải kê khai (quy định tại Điều 35 Luật PCTN năm 2018) bao gồm:</p> <p>a) Quyền sử dụng đất, nhà ở, công trình xây dựng và tài sản khác gắn liền với đất, nhà ở, công trình xây dựng.</p> <p>b) Kim khí quý, đá quý, tiền, giấy tờ có giá và động sản khác mà mỗi tài sản có giá trị từ 50.000.000 đồng trở lên.</p> <p>c) Tài sản, tài Khoản ở nước ngoài.</p> <p>d) Tổng thu nhập giữa 02 lần kê khai.</p> <p>Trường hợp bản kê khai không đúng theo mẫu hoặc không đầy đủ về nội dung thì cơ quan, tổ chức, đơn vị yêu cầu kê khai bổ sung hoặc kê khai lại. Thời hạn kê khai bổ sung hoặc kê khai lại là 07 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu, trừ trường hợp có lý do chính đáng.</p> <p>- Bước 3: Tiếp nhận, quản lý, bàn giao bản kê khai.</p> <p>Trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày nhận được bản kê khai, cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý, sử dụng người có nghĩa vụ kê khai rà soát, kiểm tra bản kê khai và bàn giao 01 bản kê khai cho Cơ quan kiểm soát tài sản, thu nhập có thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều 30</p>
---------------------------	---

Luật PCTN năm 2018.

- Bước 4: Công khai bản kê khai

a) Bản kê khai của người có nghĩa vụ kê khai phải được công khai tại cơ quan, tổ chức, đơn vị nơi người đó thường xuyên làm việc.

b) Bản kê khai của người dự kiến được bổ nhiệm giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý tại cơ quan, tổ chức, đơn vị phải được công khai tại cuộc họp lấy phiếu tín nhiệm.

c) Bản kê khai của người ứng cử đại biểu Quốc hội, người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân phải được công khai theo quy định của pháp luật về bầu cử.

d) Bản kê khai của người dự kiến bầu, phê chuẩn tại Quốc hội, Hội đồng nhân dân phải được công khai với đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân trước khi bầu, phê chuẩn. Thời điểm, hình thức công khai được thực hiện theo quy định của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

e) Bản kê khai của người dự kiến bầu giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý tại doanh nghiệp nhà nước được công khai tại cuộc họp lấy phiếu tín nhiệm khi tiến hành bổ nhiệm hoặc tại cuộc họp của Hội đồng thành viên khi tiến hành bầu các chức vụ lãnh đạo, quản lý.

f) Bản kê khai được công khai chậm nhất là 05 ngày kể từ ngày cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý, sử dụng người có nghĩa vụ kê khai bàn giao bản kê khai cho Cơ quan kiểm soát tài sản, thu nhập.

g) Thời gian niêm yết bản kê khai là 15 ngày. Vị trí niêm yết phải bảo đảm an toàn, thuận tiện cho việc đọc các bản kê khai.

Việc niêm yết phải được lập thành biên bản, trong đó ghi rõ các bản kê khai được niêm yết, có chữ ký xác nhận của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị và đại diện tổ chức công đoàn.

h) Cuộc họp công khai bản kê khai phải bảo đảm có mặt tối thiểu 2/3 số người được triệu tập. Người chủ trì cuộc họp tự mình hoặc phân công người đọc các bản kê khai hoặc từng người đọc bản kê khai của mình. Biên bản cuộc họp phải ghi lại những ý kiến phản ánh, thắc mắc và giải trình về nội dung bản kê khai (nếu có); có chữ ký của người chủ trì cuộc họp và đại diện tổ chức công đoàn cơ quan, tổ chức, đơn vị.

i) Bản kê khai của Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh,

	<p>Ủy ban nhân dân các cấp được niêm yết tại trụ sở Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân hoặc công bố tại cuộc họp bao gồm toàn thể cán bộ, công chức, viên chức thuộc Văn phòng Hội đồng nhân dân, Văn phòng Ủy ban nhân dân.</p> <p>Bản kê khai của người có nghĩa vụ kê khai thuộc sở, ngành cấp tỉnh, phòng, ban cấp huyện được niêm yết tại trụ sở cơ quan hoặc công khai tại cuộc họp bao gồm toàn thể cán bộ, công chức, viên chức.</p> <p>Bản kê khai của người có nghĩa vụ kê khai thuộc Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp xã được niêm yết tại trụ sở Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân xã hoặc công khai tại cuộc họp toàn thể cán bộ, công chức xã;</p> <p>j) Bản kê khai của những người làm việc trong doanh nghiệp nhà nước được niêm yết tại trụ sở doanh nghiệp nhà nước hoặc công khai tại cuộc họp gồm Ủy viên Hội đồng thành viên, Ủy viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Trưởng ban kiểm soát, Kiểm soát viên, Kế toán trưởng, Trưởng các đơn vị trực thuộc tập đoàn, tổng công ty, Chủ tịch Hội đồng thành viên, Chủ tịch Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, Giám đốc các tổng công ty, công ty trực thuộc tập đoàn, tổng công ty, Trưởng các đoàn thể trong tập đoàn, tổng công ty nhà nước.</p>
<p>Mẫu đơn, tờ khai</p>	<p>Phụ lục I, phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 130/2020/NĐ-CP ngày ngày 30 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ về kiểm soát tài sản, thu nhập của người có chức vụ, quyền hạn trong cơ quan, tổ chức, đơn vị.</p>
<p>Cách thức thực hiện</p>	<p>Việc kê khai tài sản, thu nhập được tiến hành tại cơ quan, tổ chức, đơn vị của người có nghĩa vụ phải kê khai.</p>
<p>Thời gian thực hiện thủ tục hành chính (TTHC)</p>	<p>1. Thời điểm hoàn thành kê khai lần đầu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Người đang giữ vị trí công tác quy định tại các Khoản 1, khoản 3 Điều 34 của Luật PCTN năm 2018 phải hoàn thành việc kê khai trước ngày 31/3/2021 (theo hướng dẫn tại công văn số 279/UBND-NC ngày 21/01/2021 của UBND tỉnh). - Người lần đầu giữ vị trí công tác quy định tại các Khoản 1, khoản 3 Điều 34 Luật PCTN năm 2018 phải hoàn thành việc kê khai chậm nhất là 10 ngày kể từ ngày được tiếp nhận, tuyển dụng, bố trí vào vị trí công tác.

	<p>2. Thời điểm hoàn thành việc kê khai bổ sung:</p> <p>Khi người có nghĩa vụ kê khai có biến động về tài sản, thu nhập trong năm có giá trị từ 300.000.000 đồng trở lên. Việc kê khai phải hoàn thành trước ngày 31 tháng 12 của năm có biến động về tài sản, thu nhập.</p> <p>3. Thời điểm hoàn thành việc kê khai hàng năm:</p> <p>Người giữ chức vụ từ Giám đốc sở và tương đương trở lên; người làm công tác tổ chức cán bộ, quản lý tài chính công, tài sản công, đầu tư công hoặc trực tiếp tiếp xúc và giải quyết công việc của cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân khác theo quy định của Chính phủ phải hoàn thành việc kê khai trước ngày 31 tháng 12 hàng năm.</p> <p>4. Thời điểm hoàn thành việc kê khai phục vụ công tác cán bộ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Người có nghĩa vụ kê khai quy định tại các Khoản 1, khoản 3 Điều 34 của Luật PCTN năm 2018 khi dự kiến bầu, phê chuẩn, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, cử giữ chức vụ khác phải hoàn thành kê khai chậm nhất là 10 ngày trước ngày dự kiến bầu, phê chuẩn, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, cử giữ chức vụ khác. - Người có nghĩa vụ kê khai quy định tại Khoản 4 Điều 34 của Luật PCTN năm 2018 việc kê khai được thực hiện theo quy định của pháp luật về bầu cử. - Trường hợp phải kê khai tài sản, thu nhập để phục vụ công tác cán bộ mà người đó chưa kê khai tài sản, thu nhập lần đầu theo quy định Luật PCTN năm 2018 thì thực hiện việc kê khai tài sản, thu nhập lần đầu và sử dụng Bản kê khai lần đầu để phục vụ công tác cán bộ lần đó (theo hướng dẫn tại Công văn số 252/TTCP-C.IV ngày 19/02/2021 của Thanh tra Chính phủ).
<p>Kết quả thực hiện</p>	<p>Bản kê khai tài sản, thu nhập.</p>
<p>Thành phần, số lượng hồ sơ</p>	<p>Hồ sơ gồm có:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Các văn bản chỉ đạo tổ chức triển khai thực hiện việc kê khai. 2. Danh sách đối tượng phải kê khai theo quy định. 3. Bản kê khai tài sản, thu nhập của các đối tượng thuộc diện phải kê khai (02 bản).

	<p>4. Sổ theo dõi việc giao, nhận Bản kê khai.</p> <p>Số lượng hồ sơ: 01 bộ.</p>
Đối tượng thực hiện TTHC	<p>Người có nghĩa vụ phải kê khai theo quy định tại Điều 34 Luật PCTN năm 2018 và Điều 10 Nghị định số 130/2020/NĐ-CP về kiểm soát tài sản, thu nhập của người có chức vụ, quyền hạn trong cơ quan, tổ chức, đơn vị.</p>
Cơ quan thực hiện TTHC	<p>Các cơ quan hành chính nhà nước từ tỉnh đến địa phương, các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc cơ quan hành chính nhà nước, các doanh nghiệp nhà nước, người được cử làm đại diện phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp</p>
Yêu cầu điều kiện thực hiện TTHC	<ol style="list-style-type: none"> 1. Người có nghĩa vụ kê khai phải kê khai trung thực về tài sản, thu nhập, giải trình trung thực về nguồn gốc của tài sản, thu nhập tăng thêm theo trình tự, thủ tục quy định tại Luật này và chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc kê khai tài sản, thu nhập. 2. Việc kê khai lần đầu, kê khai hàng năm, kê khai phục vụ công tác cán bộ được thực hiện theo Mẫu bản kê khai và hướng dẫn tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định 130/2020/NĐ-CP. 3. Việc kê khai bổ sung được thực hiện theo Mẫu bản kê khai và hướng dẫn việc kê khai bổ sung tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định 130/2020/NĐ-CP.
Căn cứ pháp lý để thực hiện TTHC	<p>Luật phòng chống tham nhũng số 36/2018/QH14 ngày 20 tháng 11 năm 2018; Nghị định số 130/2020/NĐ-CP ngày 30 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ về kiểm soát tài sản, thu nhập của người có chức vụ, quyền hạn trong cơ quan, tổ chức, đơn vị; Công văn số 252/TTCP-C.IV ngày 19/02/2021 của Thanh tra Chính phủ.</p>